

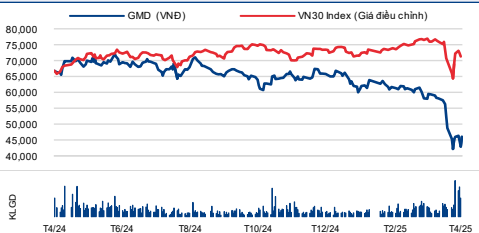
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ61,800
Tiềm năng tăng/giảm: 34.3%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/4/2025)	46,000
Mã Bloomberg	GMD VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	42,200-72,074
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	45,313
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	19,329
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	747
Slg CP lưu hành (tr.đv)	420
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	206
Slg CP NN được mua (tr.đv)	35.5
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	40.6%
Tỷ lệ freefloat	95.7%
Cổ đông lớn	SSJ Consulting (7.20%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	4,832	4,819	5,385
EBITDA đc (tỷ đồng)	2,218	2,626	2,865
LNTT (tỷ đồng)	2,080	2,223	2,307
LNT ĐC (tỷ đồng)	1,332	1,376	1,426
FCF (tỷ đồng)	48.3	(1,900)	1,621
EPS ĐC (đồng)	3,218	3,274	3,393
DPS (đồng)	2,216	1,000	1,000
BVPS (đồng)	29,919	32,562	35,072
T.trưởng EBITDA (%)	25.5	18.4	9.11
T.trưởng EPS ĐC (%)	(51.9)	0.95	3.63
Tăng trưởng DPS (%)	(13.1)	(54.9)	0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	54.5	53.2
Tỷ suất LNTT (%)	43.0	46.1	42.8
Tỷ suất LNT ĐC (%)	30.2	31.0	28.8
Tỷ lệ LN trả CT (%)	62.8	28.1	27.1
Nợ thuần/VCSH (%)	(14.4)	8.46	7.01
ROAE (%)	13.9	11.5	10.9
ROACE (%)	7.25	7.86	7.67
EV/doanh thu (lần)	3.64	3.85	3.36
EV/EBITDA ĐC (lần)	7.93	7.06	6.31
P/E ĐC (lần)	14.3	14.0	13.6
P/B (lần)	1.54	1.41	1.31
Lợi suất cổ tức (%)	4.82	2.17	2.17

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

GMD là doanh nghiệp cảng biển tư nhân lớn nhất tại Việt Nam với hệ thống cảng trải dài trên toàn quốc và hệ thống logistics tích hợp.

Chuyên viên phân tích

Chế Thị Mai Trang

Trưởng phòng, Ngành Công Nghiệp
trang.ctmai@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4848

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

LNTT từ HĐKD cốt lõi Q1/2025 tăng mạnh 57% so với cùng kỳ; vượt 13% dự báo

- Ngày 17/4/2025, GMD đã tổ chức cuộc họp với các chuyên viên phân tích. Tại buổi họp, BLĐ ước tính LNTT từ HĐKD cốt lõi Q1/2025 đạt 583 tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ (vượt 13% so với dự báo của HSC), được hỗ trợ nhờ sản lượng tăng 30% so với cùng kỳ đạt 1,13 triệu TEU.
- GMD dự kiến LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2025 đạt 2,35 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 12% và cao hơn 6% so với dự báo của chúng tôi là 2,22 nghìn tỷ đồng. BLĐ kỳ vọng tác động từ thuế đối ứng của Mỹ trong năm 2025 sẽ ở mức có thể kiểm soát được và KQKD ngắn hạn sẽ được hỗ trợ nhờ hoạt động nhập trừ hàng trước thời hạn áp thuế này.
- GMD sẽ trình cổ đông kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ tại ĐHCĐ thường niên dự kiến diễn ra vào tháng 6. Bên cạnh đó, Công ty cũng đang đàm phán thoái vốn các dự án cao su và cảng Gemalink.
- Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 61.800đ (tiềm năng tăng giá 34%).

Sự kiện: Cuộc họp với chuyên viên phân tích

Vào thứ Năm ngày 17/4/2025, GMD đã tổ chức cuộc họp với các chuyên viên phân tích nhằm cập nhật KQKD sơ bộ Q1/2025, đánh giá tác động từ chính sách thuế của Mỹ đến triển vọng của Công ty, kế hoạch ứng phó trong bối cảnh nhiều bất định và các kế hoạch đầu tư sắp tới. Các nội dung chính như sau:

KQKD sơ bộ Q1/2025: LNTT từ HĐKD cốt lõi vượt 13% so với dự báo của HSC

GMD ước tính LNTT từ HĐKD cốt lõi trong Q1/2025 đạt 583 tỷ đồng, tăng 57% so với cùng kỳ và vượt 13% so với dự báo của chúng tôi. KQKD tích cực này nhiều khả năng được thúc đẩy chủ yếu nhờ sản lượng container tăng 30% so với cùng kỳ đạt 1,13 triệu TEU và sản lượng hàng rời tăng 91% so với cùng kỳ đạt 532 nghìn tấn. Chi tiết như sau:

- Cảng Nam Đình Vũ (NDV; chưa niêm yết, GMD sở hữu 60% cổ phần) ghi nhận sản lượng xử lý trong kỳ đạt 355.000 TEUs, tăng 28% so với cùng kỳ, qua đó nâng thị phần tại khu vực miền Bắc lên 20%, so với mức 19% trong năm 2024.
- Tại miền Nam, cảng Gemalink (GIL; chưa niêm yết, GMD sở hữu 75% cổ phần) và cảng Phước Long (PLP; chưa niêm yết, GMD sở hữu 100% cổ phần) ghi nhận tổng sản lượng xử lý đạt 782.000 TEU trong Q1/2025, tăng 24% so với cùng kỳ, tương đương 26% thị phần khu vực miền Nam, so với mức 28% trong năm 2024.
- Tại miền Trung, bến hàng rời Dung Quất (chưa niêm yết, GMD sở hữu 80% cổ phần) đã tiếp nhận xử lý 532.000 tấn hàng trong Q1/2025, tăng mạnh 91% so với cùng kỳ và chiếm 40% thị phần, so với mức 34% trong năm 2024.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/4.

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ Q1/2025, GMD

LNTT cốt lõi Q1/2025 tăng 57% so với cùng kỳ

	Q1/24	Q1/25	So với cùng kỳ	So với quý trước	So với dự báo HSC
LNTT	707.0	583.0	(0.2)	0.7	113%
LNTT cốt lõi	372.0	583.0	0.6	0.1	113%
Lợi nhuận thuần	559.0	N/a	N/a	N/a	N/a

Ghi chú: Q1/24 gồm 335 tỷ đồng lợi nhuận không thường xuyên từ thoái vốn tại cảng Nam Hải.
Nguồn: GMD

Tác động từ chính sách thuế của Mỹ trong năm 2025 được kỳ vọng sẽ trong tầm kiểm soát

BLĐ ghi nhận tình hình hiện tại vẫn còn nhiều bất định và tiềm ẩn nhiều rủi ro. Tuy nhiên, Công ty kỳ vọng tác động từ chính sách thuế của Mỹ đến KQKD năm 2025 của GMD sẽ ở mức có thể kiểm soát được, nhờ vào việc bổ sung các tuyến dịch vụ mới tại GIL và KQKD tích cực trong nửa đầu năm 2025. Công ty duy trì kiến LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2025 đạt 2,35 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 12%), cao hơn 6% so với dự báo cơ sở của chúng tôi là 2,22 nghìn tỷ đồng. Chi tiết như sau:

- Trong tháng 4, cảng GIL đã tiếp nhận thêm bốn tuyến dịch vụ mới đi EU, châu Phi, Brazil và Canada, với sản lượng ước tính khoảng 350.000–450.000 TEU trong chín tháng cuối năm 2025. Theo đó, tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu sang Mỹ tại GIL dự báo sẽ giảm xuống mức 20% trong năm 2025, so với mức 32% của năm 2024 và Q1/2025.
- Việc hoãn áp thuế đối ứng trong 90 ngày được kỳ vọng sẽ đẩy mạnh hoạt động nhập trữ hàng trước sang thị trường Mỹ trong Q2/2025. Kết hợp với sản lượng gia tăng từ các tuyến dịch vụ mới, sản lượng trong Q2/2025 dự báo sẽ tăng trưởng rất tích cực.
- Mặc dù sản lượng dự báo giảm trong nửa cuối năm 2025 nhưng tăng trưởng sản lượng mạnh mẽ trong nửa đầu năm nhờ các tuyến dịch vụ mới và hoạt động nhập trữ hàng trước được kỳ vọng sẽ giúp tổng sản lượng cả năm 2025 duy trì ở mức tích cực. GMD dự kiến sản lượng hàng hóa qua cảng GIL đạt 1,8–1,9 triệu TEU (tăng trưởng 3-9%) và qua cảng Nam Đình Vũ (NDV) đạt 1,30-1,35 triệu TEU (đi ngang so với cùng kỳ). Các mục tiêu sản lượng này sát với các giả định hiện tại của HSC là 1,82 triệu TEU cho cảng GIL và 1,33 triệu TEU cho cảng NDV.
- Theo đó, GMD đặt kế hoạch LNTT từ HĐKD cốt lõi năm 2025 đạt 2,35 nghìn tỷ đồng, tăng trưởng 12% và cao hơn 6% so với dự báo hiện tại của chúng tôi là 2,22 nghìn tỷ đồng (tăng trưởng 6%). Chúng tôi cho rằng sự chênh lệch này đến từ việc kiểm soát chi phí tốt hơn khi BLĐ ưu tiên cắt giảm chi phí hoạt động trong năm nay nhằm hỗ trợ lợi nhuận trong bối cảnh thị trường khó khăn.

Thảo luận về các hoạt động ngoài HĐKD cốt lõi và giá dịch vụ

HSC đang theo dõi 3 mảng/sự kiện có thể diễn ra trong ngắn đến trung hạn gồm:

- Khả năng tăng giá sản dịch vụ xếp dỡ tại GIL dự kiến có hiệu lực từ Q2/2025. Theo GMD, Công ty kỳ vọng đề xuất tăng giá sản xếp dỡ tại cụm cảng nước sâu khu vực Cái Mép – Thị Vải sẽ được phê duyệt trong Q2/2025. Hiện các cơ quan chức năng đang xem xét mức điều chỉnh tăng từ 10–15%. Nếu được thông qua, việc này sẽ hỗ trợ tích cực cho KQKD của GIL trong thời gian tới.
- Thoái vốn các dự án cao su. GMD dự kiến sẽ hoàn tất việc thoái vốn các dự án cao su trước thời điểm tổ chức ĐHCĐ năm nay, dự kiến diễn ra vào tháng 6. Hiện Công ty chưa công bố thông tin liên quan đến giá trị chuyển nhượng tiềm năng nhưng giá trị sổ sách của các dự án này tại thời điểm cuối năm 2024 là khoảng 1,3 nghìn tỷ đồng.
- Thoái vốn cảng GIL. GMD cũng đang xem xét phương án thoái 24% cổ phần tại GIL. Hiện tại, tổng tỷ lệ sở hữu của nhóm GMD tại GIL là 75%, trong đó công ty mẹ nắm 65% và hai công ty con nắm tổng cộng 10%. Do đó, nếu thực hiện thoái 24% vốn tại GIL, GMD vẫn duy trì quyền kiểm soát tại cảng này với tỷ lệ sở hữu là 51% cổ phần. GMD đặt mục tiêu bán phần vốn này cho các hãng tàu, chủ yếu nhằm mục đích đảm bảo nguồn hàng ổn định cho cảng GIL giai đoạn 2 và tạo dòng tiền phục vụ cho các khoản đầu tư đã lên

kế hoạch khác. HSC hiện chưa thực hiện định giá cho phần vốn dự kiến thoái này.

Các dự án đầu tư tiềm năng

GMD đang nhắm đến hai dự án quy mô lớn tiềm năng gồm dự án Nam Đồ Sơn và Trung tâm logistic Cái Mép Hạ. Trong đó:

- Dự án Nam Đồ Sơn, tọa lạc tại tỉnh Hải Phòng, dự kiến sẽ có quy mô khoảng 5.000ha với tổng vốn đầu tư ước tính khoảng 5 tỷ USD.
- Dự án Cái Mép Hạ, tọa lạc tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có quy mô 1.256ha và dự kiến cần tổng vốn đầu tư lên tới 120 tỷ USD.

Cả hai dự án đều là các dự án quy mô lớn, phát triển theo nhiều giai đoạn và cần có sự phê duyệt chủ trương đầu tư từ phía Chính phủ. Là một trong những doanh nghiệp dẫn đầu trong lĩnh vực cảng biển và logistic, GMD thể hiện rõ sự quan tâm trong việc tham gia các hạng mục cụ thể thông qua hợp tác liên doanh với các đối tác chiến lược. Nếu được phê duyệt, các dự án này sẽ đóng vai trò là động lực tăng trưởng dài hạn cho GMD.

Duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 61.800đ (tiềm năng tăng giá 34%)

Sau khi giá cổ phiếu giảm 21% trong 1 tháng qua, GMD đang giao dịch với P/E trượt dự phóng 1 năm là 13,8 lần, thấp hơn 3,4 độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 20,6 lần. GMD cũng đang có P/B trượt dự phóng 1 năm là 1,4 lần, thấp hơn 0,8 độ lệch chuẩn so với bình quân 3 năm ở mức 1,8 lần. Theo quan điểm của chúng tôi, cổ phiếu đang có định giá hấp dẫn.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào với giá mục tiêu 61.800đ (tiềm năng tăng giá 34%) và giữ nguyên dự báo. Yếu tố hỗ trợ giá cổ phiếu trong ngắn hạn là kế hoạch mua lại cổ phiếu quỹ, xuất phát từ quan điểm của BLĐ rằng GMD đang bị định giá thấp, cùng với tiềm năng ghi nhận lợi nhuận từ thoái vốn.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	3,846	4,832	4,819	5,385	6,078
Lợi nhuận gộp	1,776	2,162	2,200	2,404	2,835
Chi phí BH&QL	(660)	(816)	(814)	(910)	(1,027)
Thu nhập khác	(69.0)	(611)	(48.2)	(53.9)	(60.8)
Chi phí khác	53.1	262	24.1	26.9	30.4
EBIT	1,100	996	1,361	1,468	1,778
Lãi vay thuần	1,772	267	38.0	(12.4)	44.4
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	272	816	824	851	862
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	3,144	2,080	2,223	2,307	2,684
Chi phí thuế TNDN	(642)	(174)	(263)	(274)	(343)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(280)	(446)	(465)	(483)	(605)
LNST không thường xuyên	-	(10.5)	-	-	-
Lợi nhuận thuần	2,222	1,459	1,495	1,550	1,736
Lợi nhuận thuần ĐC	2,158	1,332	1,376	1,426	1,597
EBITDA ĐC	1,767	2,218	2,626	2,865	3,186
EPS (đồng)	7,335	3,525	3,559	3,688	4,132
EPS ĐC (đồng)	7,126	3,218	3,274	3,393	3,802
DPS (đồng)	2,551	2,216	1,000	1,000	1,000
Sig CP bình quân (triệu đv)	303	414	420	420	420
Sig CP cuối kỳ (triệu đv)	306	414	420	420	420
Sig CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	306	414	420	420	420

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	1,474	3,964	2,556	2,356	3,333
Đầu tư ngắn hạn	356	1,021	3,377	3,774	4,259
Phải thu khách hàng	1,212	1,235	1,241	1,392	1,578
Hàng tồn kho	68.2	83.4	85.4	95.5	108
Các tài sản ngắn hạn khác	290	372	371	414	467
Tổng tài sản ngắn hạn	3,401	6,676	7,630	8,032	9,744
TSCĐ hữu hình	3,894	3,786	6,145	5,599	5,053
TSCĐ vô hình	258	247	239	230	221
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Đầu tư dài hạn	1,799	1,766	1,444	1,457	1,471
Đầu tư vào Cty LD,LK	3,083	3,792	4,481	5,558	5,558
Tài sản dài hạn khác	1,107	1,719	1,308	1,458	1,640
Tổng tài sản dài hạn	10,141	11,310	13,618	14,303	13,943
Tổng cộng tài sản	13,542	17,986	21,247	22,334	23,687
Nợ ngắn hạn	446	422	558	624	704
Phải trả người bán	508	462	723	808	912
Nợ ngắn hạn khác	901	1,146	1,120	1,252	1,412
Tổng nợ ngắn hạn	1,936	2,107	2,503	2,797	3,157
Nợ dài hạn	1,518	1,745	3,149	2,759	2,369
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	381	380	477	533	602
Tổng nợ dài hạn	1,899	2,125	3,626	3,292	2,971
Tổng nợ phải trả	3,836	4,232	6,129	6,090	6,128
Vốn chủ sở hữu	8,558	12,386	13,682	14,737	15,976
Lợi ích cổ đông thiểu số	1,149	1,368	1,436	1,508	1,583
Tổng vốn chủ sở hữu	9,707	13,753	15,118	16,245	17,559
Tổng nợ phải trả và VCSH	13,542	17,986	21,247	22,334	23,687
BVPS (đ)	27,975	29,919	32,562	35,072	38,020
Nợ thuần/(tiền mặt)	490	(1,797)	1,152	1,027	(259)

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	1,100	996	1,361	1,468	1,778
Khấu hao	(395)	(406)	(441)	(546)	(546)
Lãi vay thuần	1,772	267	38.0	(12.4)	44.4
Thuế TNDN đã nộp	(625)	(242)	(263)	(274)	(343)
Thay đổi vốn lưu động	(836)	(5.03)	(1,848)	(848)	(954)
Khác	(2,268)	(681)	(104)	7.66	9.37
LCT thuần từ HKKD	(88.2)	1,647	909	1,631	1,717
Đầu tư TS dài hạn	(1,068)	(1,598)	(2,810)	(9.82)	(10.1)
Góp vốn & đầu tư	(803)	(1,224)	(690)	(1,077)	0
Thanh lý	2,447	382	0	0	0
Khác	437	944	0	0	0
LCT thuần từ HĐĐT	1,013	(1,497)	(3,499)	(1,086)	(10.1)
Cổ tức trả cho CSH	(780)	(917)	(420)	(420)	(420)
Thu từ phát hành CP	45.2	3,059	62.1	0	0
Tăng/giảm nợ	(45.3)	220	1,540	(324)	(310)
Khác	(35.4)	(24.9)	0	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(816)	2,337	1,182	(745)	(730)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	1,364	1,474	3,964	2,556	2,356
LCT thuần trong kỳ	109	2,487	(1,409)	(200)	977
Ảnh hưởng của tỷ giá	0.49	3.15	0	0	0
Tiền & tương đương tiền cuối kì	1,474	3,964	2,556	2,356	3,333
Dòng tiền tự do	(1,156)	48.3	(1,900)	1,621	1,707

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	46.2	44.7	45.6	44.6	46.7
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	45.9	45.9	54.5	53.2	52.4
Tỷ suất LNT (%)	57.8	30.2	31.0	28.8	28.6
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.4	8.39	11.8	11.9	12.8
Tăng trưởng doanh thu (%)	(1.34)	25.6	(0.28)	11.8	12.9
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	(4.16)	25.5	18.4	9.11	11.2
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	136	(38.3)	3.28	3.63	12.0
Tăng trưởng EPS (%)	122	(51.9)	0.95	3.63	12.0
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	135	(54.8)	1.75	3.63	12.0
Tăng trưởng DPS (%)	79.6	(13.1)	(54.9)	0	0
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	34.8	62.8	28.1	27.1	24.2
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.7	13.9	11.5	10.9	11.3
ROACE (%)	10.3	7.25	7.86	7.67	8.88
Vòng quay tài sản (lần)	0.29	0.31	0.25	0.25	0.26
Tiềm mặt HD/EBIT (lần)	(0.08)	1.65	0.67	1.11	0.97
Số ngày tồn kho	12.0	11.4	11.9	11.7	12.1
Số ngày phải thu	214	169	173	171	178
Số ngày phải trả	89.6	63.1	101	98.9	103
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	5.78	(14.4)	8.46	7.01	(1.58)
Nợ/tài sản (%)	14.5	12.1	17.5	15.2	13.0
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	N/a	N/a	118	N/a
Nợ/EBITDA (lần)	1.32	1.55	2.06	1.68	1.33
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.76	3.17	3.05	2.87	3.09
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	3.99	3.64	3.85	3.36	2.70
EV/EBITDA ĐC (lần)	8.69	7.93	7.06	6.31	5.15
P/E (lần)	6.27	13.0	12.9	12.5	11.1
P/E ĐC (lần)	6.46	14.3	14.0	13.6	12.1
P/B (lần)	1.64	1.54	1.41	1.31	1.21
Lợi suất cổ tức (%)	5.55	4.82	2.17	2.17	2.17

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn